

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833204] - Lắp đặt hệ thống điện
tự động (CCQ2215CD)
CBGD: Đỗ Phương Nam (280005)

Số SV có mặt: 19...
Số bài thi: ...19....
Số tờ giấy thi: 19.

Đỗ phư
Nam
Ninh Thuận
Đỗ phư
Nam
Ninh Thuận

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150083	Lê Đức	Lộc	23/11/2004	CCQ2215D		Lộc	7,8	6,5	7
2	2122150067	Nguyễn Đức	Lộc	23/10/2004	CCQ2215D		Lộc	7,5	6,5	6,9
3	2122150089	Trương Công	Lý	28/09/2004	CCQ2215D		Ly	6,5	6,5	6,5
4	2122150022	Nguyễn Đức	Mạnh	01/03/2004	CCQ2215A		Nguyễn Đức	6	6	6
5	2122150093	Nguyễn Văn	Murp	27/08/2004	CCQ2215D		Murp	7,3	6,5	6,8
6	2122150072	Trần Trung	Nguyên	20/07/2004	CCQ2215D		Nguyễn	6,5	6,5	6,5
7	2122150058	Đinh Hữu Ngô	Quyền	28/09/2004	CCQ2215D		Quyền	7,5	7,5	7,5
8	2121150047	Đào Duy	Thái	24/11/2003	CCQ2115B		Thái	6,3	6,5	6,4
9	2122150059	Nguyễn Tấn	Thành	16/05/2004	CCQ2215D		Thành	6,5	6,5	6,5
10	2121150042	Đỗ Thành	Thi	17/07/2002	CCQ2115B		Thi	7,5	6,5	6,9
11	2122150064	Phan Chí	Thiện	21/11/2004	CCQ2215D		Thiện	6,8	6,8	6,8
12	2122150085	Võ Đức	Thịnh	16/11/2004	CCQ2215D		Thịnh	6,5	6,5	6,5
13	2122150055	Huỳnh	Thuận	18/09/2004	CCQ2215D		Thuận	7,8	6,5	7
14	2122150073	Vũ Trọng	Thuận	28/08/2004	CCQ2215D		Thuận	7,5	6,5	6,9
15	2122150062	Bùi Nguyễn Thiên	Toàn	02/09/2004	CCQ2215D		Toàn	4	4	4,0
16	2121150041	Nguyễn Hữu	Tồn	14/12/2003	CCQ2115B		Tồn	6	6,5	6,3
17	2122150084	Nguyễn Trọng	Tri	21/09/2004	CCQ2215D		Tri	7,9	6,8	7,2
18	2122150092	Châu Thanh	Trọng	22/08/2004	CCQ2215D		Trọng	7,8	7	7,3
19	2122150051	Hồ Đức	Trọng	02/07/2004	CCQ2215D		Trọng	6,8	6,8	6,8
20	2122150056	Phan Văn	Vi	06/11/2004	CCQ2215D		Vi	6	6	6,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833202] - Lắp đặt hệ thống điện
tự động (CCQ2215AB)

CBGD: Đỗ Phương Nam (280005)

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

Đỗ Phú Nam *N.N.Tuyến* *Đỗ Phú Nam* *N.N.Tuyến*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150094	Vũ Văn Minh	20/08/2004	CCQ2215A		<i>Vũ Văn Minh</i>	0	0	0
2	2122170583	Huỳnh Thái Nhã	30/06/2004	CCQ2215B		<i>Nhã</i>	7,8	7	7,3
3	2122150037	Đỗ Thế Quân	01/01/2004	CCQ2215B		<i>Quân</i>	6	6,0	6,0
4	2122150039	Nguyễn Đức Vững	18/05/2004	CCQ2215B		<i>Vững</i>	0	0	0
5	2122150017	Trần Khánh Quốc	27/10/2004	CCQ2215B		<i>Quốc</i>	8	6,5	7,1
6	2122150029	Cao Huỳnh Thái Sơn	20/07/2004	CCQ2215B		<i>Sơn</i>	8	7	7,4
7	2122150038	Nguyễn Trí Tài	07/02/2004	CCQ2215B		<i>Tài</i>	6,8	6,3	6,5
8	2122150007	Nguyễn Minh Tâm	27/10/2004	CCQ2215B		<i>Tâm</i>	7,7	6,5	7,0
9	2122150086	Nguyễn Vũ Hoài Tấn	11/06/2004	CCQ2215B		<i>Tấn</i>	7,5	6,5	6,9
10	2122150035	Huỳnh Văn Thịnh	28/09/2003	CCQ2215B		<i>Thịnh</i>	7	6	6,4
11	2122150016	Nguyễn Xuân Thịnh	28/06/2004	CCQ2215B		<i>Thịnh</i>	8	7	7,4
12	2122150025	Phan Ngọc Thông	21/03/2004	CCQ2215B		<i>Thông</i>	7,8	6,5	7,0
13	2122150006	Nguyễn Thành Tính	20/04/2004	CCQ2215B		<i>Tính</i>	8,2	7	7,5
14	2122150019	Nguyễn Minh Trí	01/11/2003	CCQ2215B		<i>Trí</i>	8	6	6,8
15	2122150042	Đặng Công Trình	26/04/2004	CCQ2215B		<i>Trình</i>	7,4	6	6,6
16	2122150031	Nguyễn Minh Trức	17/02/2004	CCQ2215B		<i>Trức</i>	8,2	7	7,5
17	2122150030	Hồ Quang Trung	28/10/2004	CCQ2215B		<i>Trung</i>	7,3	6	6,5
18	2122150014	Nguyễn Văn Truyền	25/10/2004	CCQ2215B		<i>Truyền</i>	7	6,8	6,9
19	2122150096	Tô Tuấn Việt	14/10/2004	CCQ2215B		<i>Việt</i>	8	8	8,0
20	2122150010	Trần Như Tuấn Vũ	19/10/2003	CCQ2215B		<i>Vũ</i>	7	6,5	6,7